TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2022/HNGĐ-ST
Ngày:28/12/2022
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Thạch Thị Yến Linh
2.Ông Lê Văn Đáng
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 về "tranh chấp ly hôn và nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;
Bị đơn: Anh Lâm Ngọc Tr, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm Gi trình bày và yêu cầu như sau:

- *Về hôn nhân*:Năm 2014 chị và anh Tr quen nhau được vài tháng thì tiến đến hôn nhân đến ngày 19/6/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi cưới thì chị về sống bên chồng làm dâu được hơn 01 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cải vả nhau, anh Tr không lo cho gia đình mà nuôi gà và mê đá gà, chị thì nuôi bò nuôi heo (lợn) để phát triển kinh tế gia đình, chị có nói chuyện với anh Tr nhiều lần, mỗi lần nói chỉ được vài câu, thì vợ chồng cự cải nhau, vì vậy sống chung không có hạnh phúc, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho

đến nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nay chị G yêu cầu ly hôn với anh Tr.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Minh L sinh ngày 13/7/2015 chị G đang nuôi nuôi dưỡng, chị G yêu cầu tiếp tục nuôi.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị G không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Theo đơn khởi kiện chị Gi yêu cầu cụ thể như sau:

+ Chị G hưởng 01 con bò trị giá 10.000.000 đồng, chị G đang nuôi dưỡng, 03 chiếc vòng vàng 18K trị giá 13.000.000 đồng, hiện tại chị G đang quản lý.

+ Anh Tr hưởng 02 con bò trị giá 20.000.000 đồng, anh Tr đang nuôi dưỡng, 01 chiếc xe Honda Vision, biển số 84 B1 – 322.91 trị giá lúc mua 28.000.000 đồng, hiện tại anh Tr đang quản lý sử dụng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị G cho rằng tài sản ai đang quản lý thì người đó hưởng nên chị G xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Lâm Ngọc Tr trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của chị G về quan hệ hôn nhân, về con chung. Sau khi cưới nhau thì chị G về nhà anh sinh sống làm dâu, thời gian chung sống do quan điểm sống và tính cách của vợ chồng khác nhau nên thường hay cự cãi. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2022 với lý do mẹ chị G đến xin cho chị G về nhà chơi vài ngày, sau đó thì chị G ở nhà cha mẹ ruột sống luôn không về, anh có đến rước nhiều lần nhưng chị G vẫn không về. Nay chị G xin ly hôn là anh Tr không chấp nhận vì mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng mà phải ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị G ly hôn anh Tr. Về con chung: Lâm Minh L sinh ngày 13/7/2015 hiện tại đang sống chung với chị Gi và có nguyện vọng sống chung với chị G khi cha mẹ ly hôn, nên cần giao con cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung:Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị G rút lại không yêu cầu chia, nên đề nghị đình chỉ không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị G và anh Tr không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí : Chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị G và anh Tr là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] *Về hôn nhân*: Chị G và anh Tr chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/6/2015 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị G và anh Tr hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị G xin ly hôn anh Tr, theo lời khai của chị G tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống anh Tr không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cải nhau, sống chung không hạnh phúc, thời gian ly thân chị không còn tình cảm với anh Tr nên cương quyết xin được ly hôn; về phía anh Tr cho rằng thời gian ly thân anh đến rước nhiều lần nhưng chị G không chịu về, hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị G nên anh không chấp nhận ly hôn.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và xuất phát từ tình cảm của hai phía, chị G và anh Tr quan điểm sống khác nhau nên không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế ngày càng lớn, chị G không còn tình cảm với anh Tr, thời gian ly thân anh Tr đến rước nhiều lần chị G không về đoàn tụ, nên mâu thuẫn giữa chị G và anh Tr là trầm trọng, Tòa cho chị G và anh Tr đoàn tụ thì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Tr là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Lâm Minh L sinh ngày 13/7/2015, hiện tại chị G đang nuôi dưỡng, chị G yêu cầu tiếp tục nuôi.

Xét thấy con chung của chị G và anh Tr từ khi vợ chồng ly thân, chị G nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa chị G và con gắng bó hơn, mặc khác con vẫn khỏe mạnh bình thường và Lâm Minh L có nguyện vọng sống chung với chị G vì vậy cần giao con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu nên không xem xét.

[4]*Về tài sản chung:* Chị G tự nguyện xin rút lại không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị G, anh Tr không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Cẩm G được ly hôn anh Lâm Ngọc Tr.

- Về con chung: Giao con tên Lâm Minh L sinh ngày 13/7/2015 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu nên không xét.

-Về tài sản chung: Chị G rút yêu cầu chia tài sản nên đình chỉ không giải quyết.

-Về nợ chung: Chị G và anh Tr không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010946 ngày 21/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị G đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Cẩm G được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 787.500 đồng theo biên lai thu số 0010947 ngày 21/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Nguyễn Ngọc Tranh